

Số: /ĐHKTQD-QLĐT
V/v hướng dẫn rà soát, đánh giá và cập
nhật chương trình đào tạo bằng tiếng Anh
(áp dụng tuyển sinh từ năm 2026)

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị đào tạo thuộc Đại học

Thực hiện Kế hoạch số 529/KH-ĐHKTQD ngày 17/3/2025 của Đại học về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT bằng tiếng Anh, trình độ đại học do Đại học KTQD đào tạo và cấp bằng (áp dụng tuyển sinh từ 2026).

Căn cứ các văn bản quản lý đào tạo hiện hành và chỉ đạo của Giám đốc Đại học về triển khai rà soát, đánh giá và cập nhật các CTĐT bằng tiếng Anh do Đại học đào tạo và cấp bằng (áp dụng tuyển sinh từ năm 2026). Đại học ban hành Hướng dẫn rà soát, đánh giá và cập nhật các CTĐT bằng tiếng Anh năm 2025 như sau:

1. Nguyên tắc và các yêu cầu chung

Việc rà soát, đánh giá và cập nhật các CTĐT bằng tiếng Anh do Đại học đào tạo và cấp bằng do các Khoa/Viện quản lý các chương trình chủ trì (Chương IV, Chương V tại Quyết định số 713/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân) kết hợp với các Tiểu ban chuyên môn (do Khoa/Viện đề xuất) được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

(1) Việc rà soát, đánh giá và cập nhật các CTĐT bằng tiếng Anh phải trên cơ sở các CTĐT đã được phê duyệt ban hành năm 2022 (mẫu Khung CTĐT sẽ được ban hành kèm theo văn bản này);

(2) Việc rà soát, đánh giá và cập nhật các CTĐT bằng tiếng Anh phải tuân thủ và bám sát các quy định về chuẩn chương trình đào tạo đã được Bộ GD&ĐT ban hành (Các văn bản sẽ được gửi kèm theo văn bản này);

(3) Về chương trình đào tạo:

- Tổng khối lượng học tập của một CTĐT là 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh);

- Khối lượng Giáo dục thể chất trong CTĐT là 03 tín chỉ (03 học phần);

- Khối lượng Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong CTĐT theo quy định hiện hành (165 tiết, tương ứng với 08 tín chỉ quy đổi);

- Đưa học phần “Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh” với khối lượng 03 tín chỉ vào mục Các học phần chung của Đại học thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương trong CTĐT, nhằm tăng cường và nâng cao kiến thức khung năng lực số cho sinh viên theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Với một số chương trình đặc thù có thể thay thế bằng học phần khác phù hợp nhưng phải đảm bảo chuẩn đầu ra về năng lực số theo quy định hiện hành;

- Đưa học phần “Chuyên đề thực tế” với khối lượng là 04 tín chỉ vào mục Các học phần bắt buộc của ngành thuộc khối kiến thức Chuyên nghiệp trong CTĐT (để thay thế cho các học phần Đề án, Chuyên đề, ...) nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng thực tế cho sinh viên;

- Các học phần chung (thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương) là các học phần Lý luận chính trị và Pháp luật, bao gồm: Triết học; Kinh tế chính trị; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Pháp luật đại cương;

- Các học phần chung của Đại học (thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương) là các học phần bắt buộc chung của Đại học và Ngoại ngữ, bao gồm: Kinh tế vi mô 1; Kinh tế vĩ mô 1; Toán cho các nhà kinh tế; Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh. Riêng đối với 09 tín chỉ Ngoại ngữ bắt buộc của chương trình đào tạo sẽ do các Khoa/Viện chủ động xây dựng lộ trình giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của Đại học, của từng chương trình và đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ theo Quy định;

- Các môn học/học phần trong CTĐT phải có giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp theo Quy định, trừ các học phần đặc thù (Chuyên đề thực tế, Khóa luận tốt nghiệp);

- Các học phần trong CTĐT có khối lượng đồng nhất là 03 tín chỉ (trừ các học phần Lý luận chính trị, Chuyên đề thực tế, Khóa luận tốt nghiệp);

- Khi xây dựng dự kiến kế hoạch giảng dạy, các Khoa/Viện phải đảm bảo mỗi học kỳ có tổng số tín chỉ tối thiểu là 18 tín chỉ, tối đa là 25 tín chỉ (được ghi cụ thể theo từng học kỳ).

- Căn cứ vào đặc điểm, đặc thù của từng CTĐT, các đơn vị chủ động rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học. Chủ động xây dựng và đưa vào CTĐT các môn học/học phần phù hợp nhằm phổ cập kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho người học đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành trong thời đại mới.

2. Cấu trúc cơ bản của CTĐT

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và Pháp luật
1.2. Các học phần chung của Đại học	21	04 học phần chung và Ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của Lĩnh vực	12	
1.4. Giáo dục thể chất	-	03 tín chỉ (~ 03 HP GDTC)
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của Nhóm ngành	12	
2.2. Các học phần của Ngành	61	Từng ngành/CTĐT tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	Từng ngành/CTĐT tự xây dựng

Thành phần	Số TC	Ghi chú
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	<i>SV tự chọn 10HP trong tổ hợp 15HP (Từng ngành/CTĐT tự xây dựng)</i>
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

3. Nội dung triển khai thực hiện

3.1. rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo cấp cơ sở

* Chủ trì: Khoa/Viện.

* Thời hạn hoàn thành: trước 01/12/2025.

* Căn cứ thực hiện:

(Các tài liệu liên quan sẽ được Tổ thư ký gửi tới Trưởng các đơn vị qua email)

(1) Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

(2) Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

(3) Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Khung năng lực số cho người học;

(4) Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

(5) Quyết định số 1504/QĐ- BGDDĐT ngày 30/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

(6) Quyết định số 1314/QĐ- BGDDĐT ngày 13/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ;

(7) Quyết định số 2101/QĐ- BGDDĐT ngày 22/07/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ;

(8) Quyết định số 2333/QĐ- BGDDĐT ngày 18/08/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn chương trình đào tạo Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường trình độ đại học;

(9) Quyết định số 2627/QĐ- BGDDĐT ngày 17/09/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng thuộc các lĩnh vực STEM;

(10) Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐĐH ngày 09/5/2025 của Hội đồng Đại học;

(11) Quyết định số 713/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân Quy định về mở ngành, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Đại học Kinh tế Quốc dân;

(12) Quyết định số 714/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân Quy định về việc Biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân;

(13) Quyết định số 1329/QĐ-ĐHKQTD ngày 19/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

(14) Chương trình đào tạo hiện hành đã được phê duyệt ban hành năm 2022;

(15) Các mẫu văn bản:

+ Mẫu 01_Biên bản họp HĐ Khoa_Viện;

+ Mẫu 02_Báo cáo kết quả rà soát,cập nhật CTĐTTA năm 2025;

+ Mẫu 03_Khung CTĐT_2025.

* Nội dung cụ thể:

(1) Các khoa/viện:

- Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo;

- Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan làm căn cứ điều chỉnh các nội dung của chương trình đào tạo (*Minh chứng: Kế hoạch tổ chức; Biên bản họp tổng hợp ý kiến của các bên liên quan; các tài liệu khác nếu có*);

- Đề xuất các nội dung cần cập nhật, điều chỉnh, sửa đổi; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

- Trình Hội đồng Khoa/Viện cho ý kiến góp ý và thông qua các nội dung thay đổi, cập nhật (*Mẫu 01_Biên bản họp HĐ Khoa_Viện*);

- Tổng hợp các nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo, các tài liệu minh chứng kèm theo và các biên bản theo quy định kèm theo công văn này (*Mẫu 02_Báo cáo kết quả rà soát,cập nhật CTĐTTA năm 2025, Mẫu 03_Khung CTĐT_2025*) và gửi về Đại học (qua Phòng Quản lý đào tạo).

3.2. Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo cấp Đại học

* Chủ trì: Ban chỉ đạo, Ban chuyên môn, Ban thư ký

* Phối hợp: Ban chuyên môn của các Trường

* Thời hạn hoàn thành: trước 15/12/2025

* Căn cứ thực hiện:

(1) Đề xuất của các Khoa/Viện (Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật);

(2) Ý kiến của các chuyên gia độc lập (Biên bản họp tổng hợp ý kiến của các bên liên quan);

* Nội dung cụ thể:

(1) Rà soát, tổng hợp đề xuất về việc sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

(2) Báo cáo Giám đốc và tổ chức xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học về các đề xuất sửa đổi, cập nhật.

(3) Đề xuất tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học để xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, cập nhật.

(4) Trong trường hợp cần thiết, sẽ đề xuất tổ chức Hội đồng thẩm định CTĐT độc lập về các chương trình đào tạo có nhiều nội dung sửa đổi, cập nhật.

3.3. Hoàn thiện chương trình đào tạo

* Chủ trì: Khoa/Viện

* Thời hạn hoàn thành: trước 25/12/2025

* Căn cứ thực hiện:

- (1) Ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học;
- (2) Ý kiến của các chuyên gia độc lập; Hội đồng thẩm định CTĐT (nếu có);
- (3) Kết luận chỉ đạo của Giám đốc.

* Nội dung cụ thể:

(1) Hoàn thiện các nội dung theo góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học; Các chuyên gia độc lập; Hội đồng thẩm định CTĐT (nếu có) và Kết luận chỉ đạo của Giám đốc.

(2) Khoa/Viện triển khai hoàn thiện các nội dung theo góp ý, nộp cho Đại học (qua Phòng QLĐT): Chương trình đào tạo hoàn thiện (bản mềm); Biên bản giải trình tiếp thu, chỉnh sửa (bản cứng).

3.4. Trình Giám đốc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo

* Chủ trì: Phòng QLĐT

* Thời hạn hoàn thành: trước 31/12/2025

* Căn cứ thực hiện: Chương trình đào tạo đã được Ban chuyên môn, Ban thư ký phối hợp với các Trường/Khoa/Viện hoàn thiện.

* Nội dung cụ thể:

- (1) Chuẩn hóa format;
- (2) Gửi các Khoa/Viện ký chương trình đào tạo;
- (3) Trình Giám đốc ký Quyết định phê duyệt ban hành chương trình đào tạo;
- (4) Tổ chức số hóa, công bố công khai phục vụ tuyển sinh từ năm 2026;
- (5) Cập nhật vào hệ thống quản lý đào tạo để tổ chức đào tạo;
- (6) Xây dựng và ban hành danh mục môn học/học phần thuộc các CTĐT.

3.5. Họp tổng kết, báo cáo rút kinh nghiệm

* Chủ trì: Ban chỉ đạo; Ban chuyên môn; Ban thư ký; các Trường/Khoa/Viện

* Thời hạn: trước 31/12/2025

4. Liên hệ phối hợp công việc

- TS. Lê Anh Đức, Trưởng phòng QLĐT, Phòng 210, Nhà A1

- ThS. Nguyễn Nghĩa Hoàng, chuyên viên phụ trách, Phòng 211, Nhà A1,

(Email: nguyennghiahoang@neu.edu.vn; số điện thoại: 0988.926.926)

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, QLĐT.

PGS.TS Bùi Huy Nhượng

Mẫu Biên bản họp Hội đồng Khoa/Viện
(Ban hành kèm theo Công văn số:/ĐHKTQD-QLĐT ngày .../10/2025)

ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
TRƯỜNG:
KHOA/VIỆN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA/VIỆN

Về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo tiếng Anh năm 2025

I. Thời gian, địa điểm, thành phần

- Thời gian: ngày ... tháng ... năm 20...
- Địa điểm:
- Chủ trì cuộc họp:
- Thành phần:
- Thư ký cuộc họp:

II. Nội dung

III. Kết luận

Cuộc họp kết thúc lúc cùng ngày./

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

Mẫu Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật CTĐT tiếng Anh năm 2025
(Ban hành kèm theo Công văn số:/ĐHKTQD-QLĐT ngày .../10/2025)

ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
TRƯỜNG:
KHOA/VIỆN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ

Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo tiếng Anh năm 2025

1/ CTĐT 1: ...

STT	Khoản mục	Học phần mới	Số TC	Giải trình thay đổi
1	2.2.1	Tên HP	3	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
...	...	...	...	...

Thay đổi khác:

.....

2/ CTĐT 2: ...

STT	Khoản mục	Học phần mới	Số TC	Giải trình thay đổi
1	2.2.1	Tên HP	3	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
...	...	...	...	...

Thay đổi khác:

.....

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

.....

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày .../.../2025 của Giám đốc Đại học)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân .../Bachelor of ... Kỹ sư....
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	...
Mã ngành/Code:	...
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Anh/English
Thời gian đào tạo/Duration Time:	04 năm / 04 Years
Số tín chỉ:	130/...
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	...
Kiểm định chương trình:	Tháng ... Năm ...
Thời điểm điều chỉnh:	12/2025
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2026 (đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Trường/Khoa/Viện....

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

(Xem Chương IV, Điều 14, Quyết định số 713/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/6/2025 và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/20216 của Thủ tướng Chính phủ về Khung trình độ quốc gia Việt Nam).

* **Mục tiêu chung:** Mô tả sản phẩm được đào tạo, viết khoảng 7 dòng.

*** Mục tiêu cụ thể:** *Phát biểu và mã hóa từng mục tiêu cụ thể, không phân chia mục chia mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mục tiêu đào tạo không dùng các động từ như trong CDR; mỗi mục tiêu cụ thể không viết dài, khoảng 2-3 dòng. Mã hóa các mục tiêu cụ thể vì: cần kết nối với CDR, với các văn bản như Luật GDDH. Số lượng mục tiêu cụ thể không quá nhiều (không quá 7-8 mục tiêu).*

Mã Code	Mô tả Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về ...
PO3	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề....
PO4	Có chính kiến và nhận thức ... Có sức khỏe và có đủ năng lực ... Có tinh thần và nhận thức ... Có ý thức ...
....	...
POn	

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

Riêng của CTĐT (ví dụ: có năng lực toán học đủ để học được các nội dung có tính định lượng trong các học phần của ngành Tài chính-Ngân hàng);

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án/Thông tin tuyển sinh đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Đại học
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.

Mã Code	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	
PLO1.5	
....	
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của Đại học
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (<i>Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 712/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học</i>)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế (<i>Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 712/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học</i>)
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	
PLO2.4	
...	
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).
...	
PLOm	

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2				POn
PLO1		x				
PLO2	x					x
...						
.....						
PLOm			x			x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: ...

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: ...

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của Đại học	21	04 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của Lĩnh vực	12	04 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	03 tín chỉ (~ 03 HP GDTC)
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	

Thành phần	Số TC	Ghi chú
2.1. Các học phần chung của Nhóm ngành	12	04 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của Ngành	61	Từng ngành tự xây dựng
<i>2.2.1. Các học phần bắt buộc</i>	<i>31</i>	<i>Từng ngành tự xây dựng</i>
<i>2.2.2. Các học phần tự chọn</i>	<i>30</i>	<i>SV tự chọn 10HP trong tổ hợp 15HP</i>
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)		MÃ HP	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ								Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8		
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47	...	...	...	...	...	...	...	...		
	1.1. Các học phần chung			14										
1	1	Triết học Mác – Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3										
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2										
4	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3										
3	4	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2										
5	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2										
6	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2										
		Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) Physical Education	GDTC	-										
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-										
	1.2. Các học phần chung của Đại học			21	...	...	...	...	...	...	...	...		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1		3										
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1		3										
9	3	Toán cho các nhà kinh tế		3										

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)		Mã HP	Số TC	Bố trí các học kỳ								Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8		
		Mathematics for Economics												
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh Data Science in Economics and Business		3										
11	5	Ngoại ngữ Foreign Language		9										
		1.3. Các học phần của lĩnh vực (04 HP chung của lĩnh vực)		12	...	...	...	...	...	...	...	...		
12	1	...		3										
13	2	...		3										
14	3	...		3										
15	4	...		3										
		2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		83	...	...	...	...	...	...	...			
		2.1. Các học phần chung của nhóm ngành (04 HP chung của nhóm ngành)		12	...	...	...	...	...	...	...			
16	1			3										
17	2			3										
18	3			3										
19	4			3										
		2.2. Các học phần của ngành		61	...	...	...	...	...	...	...	...		
		2.2.1. Các học phần bắt buộc		31	...	...	...	...	...	...	...	...		
20	1			3										
21	2			3										
22	3			3										

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)		Mã HP	Số TC	Bố trí các học kỳ								Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8		
23	4			3										
24	5			3										
25	6			3										
26	7			3										
27	8			3										
28	9			3										
29	10	Chuyên đề thực tế Project		4					4					
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 10/15 học phần)		30	...	...	...	...	...	...	...	...		
30- 39	1			3										
	2			3										
	3			3										
	4			3										
	5			3										
	6			3										
	7			3										
	8			3										
	9			3										
	10			3										
	11			3										
	12			3										
	13			3										
	14			3										
	15			3										

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)		Mã HP	Số TC	Bố trí các học kỳ								Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8		
40	2.3 Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)			10								10		
		Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)		130	...	...	...	...	...	...	...	10		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

(Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA

(Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: ...

+ ...

+ ...

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp...dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

- Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

(Tối thiểu 02 CTĐT đã được kiểm định của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín ở trong nước và nước ngoài, viết ngắn gọn có minh chứng kèm theo, địa chỉ tra cứu...)

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

11.1. Giảng viên: tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:

- Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy

- Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) **thuộc khối ngành/lĩnh vực ... (ví dụ: Kinh doanh và quản lý)**, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy

- Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) **thuộc nhóm ngành... (ví dụ: nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm)**, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

11.2. Trợ giảng tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:

- Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) **thuộc khối ngành/lĩnh vực ... (ví dụ: Kinh doanh và quản lý)**, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng

- Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) **thuộc nhóm ngành... (ví dụ: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm)**, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Đại học Kinh tế Quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo

cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Đại học.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Đại học đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào các ngành/chương trình đại học chính quy của Đại học theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

**TRƯỞNG KHOA/
VIỆN TRƯỞNG**

**HIỆU TRƯỞNG/
VIỆN TRƯỞNG**

GIÁM ĐỐC

.....

.....

PGS.TS Bùi Huy Nhượng

Phụ lục 1: MÔ TẢ HỌC PHẦN

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy/ LLNL1105/ 3 tín chỉ	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism/ LLNL1106/ 2 tín chỉ	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên. Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism/ LLNL1107/	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
	2 tín chỉ	tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History/ LLDL1102/ 2 tín chỉ	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology/ LLTT101/ 2 tín chỉ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
6	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws/ LUCS1129/ 3 tín chỉ	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.
	Giáo dục thể chất Physical Education/ GDTC/ 3 tín chỉ ~ 03 học phần	Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập. Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích. Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập Các học phần giáo dục thể chất bao gồm: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Khiêu vũ thể thao, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi học phần là 1 tín chỉ (thực hành), sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số các học phần giáo dục thể chất trên.
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education/ GDQPAN/	Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
	165 tiết tín chỉ	sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ). Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.
7	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1/ EP...KHMI1101/ 3 tín chỉ	Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
8	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1/ EP...KHMA1101/ 3 tín chỉ	Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics/ EP...TOCB1110/ 3 tín chỉ	Học phần nằm trong phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế. Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 5 trình

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		bày về phép toán tích phân và ứng dụng; chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.
10	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business/ EP...TOKT1138/ 3 tín chỉ	Ngày nay, thế giới đang sở hữu các nguồn số liệu không chỉ khổng lồ về khối lượng, đa dạng về hình thức, mà còn được tích lũy một cách liên tiếp không ngừng. Khoa học dữ liệu là ngành học giúp khám phá được các thông tin quan trọng từ các tập dữ liệu lớn nhằm giúp cho việc ra quyết định. Học phần Nhập môn Khoa học dữ liệu trong Kinh tế - Kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trong đó quan tâm đến tư duy phân tích dữ liệu lớn cũng như một số kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn. Học phần được giảng dạy trên phần mềm mã mở R với các ứng dụng và ví dụ thực tiễn.
11	Ngoại ngữ Foreign Language/ NNKC/	
...	...	...
...	...	...

Phụ lục 2: Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

T T	Nội dung và kế hoạch giảng dạy <i>(Tên chương trình ...)</i>	MÃ HP	SỐ TC	PLO về kiến thức						PLO về kỹ năng					PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm				
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4	PLO 3.5
1	Triết học Mác – Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3																
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2																
3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3																
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2																
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2																
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2																
	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ ~ 03 HP) Physical Education	GDTC	-																
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-																
7	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP...	3																
8	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	EP...	3																
9	Toán cho các nhà kinh tế	EP...	3																

T T	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)	Mã HP	Số TC	PLO về kiến thức						PLO về kỹ năng					PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm				
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4	PLO 3.5
	Mathematics for Economics																		
10	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh Data Science in Economics and Business	EP...	3																
11	Ngoại ngữ Foreign Language		9																
12	...		3																
13	...		3																
14	...		3																
15	...		3																
16			3																
17			3																
18			3																
19			3																
20			3																
21			3																
22			3																
23			3																

T T	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)	Mã HP	Số TC	PLO về kiến thức						PLO về kỹ năng					PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm				
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4	PLO 3.5
24			3																
25			3																
26			3																
27			3																
28			3																
29	Chuyên đề thực tế Project	EP...	4																
30			3																
31			3																
32			3																
33			3																
34			3																
35			3																
36			3																
37			3																
38			3																
39			3																

T T	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Tên chương trình ...)	Mã HP	Số TC	PLO về kiến thức						PLO về kỹ năng					PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm				
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4	PLO 3.5
40			3																
41			3																
42			3																
43			3																
44			3																
45	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	EP...	10																

TRƯỞNG KHOA/
VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

.....

PGS.TS Bùi Huy Nhượng